

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14-10-2021

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà): Đặng Văn Hai

2. Ông (bà): Nguyễn Chí Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 14 tháng 10 năm 2021 tại hội trường Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2021/TLST- HNGĐ, ngày 16/4/2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 420/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 28/6/2021; số 430/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 22/7/2021; số 425/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 17/8/2021; số 446/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 15/9/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thế L1, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Ấp TT, xã TP, huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Ấp TT, xã TP, huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ly hôn; Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thế L1 trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 1993 tôi và Nguyễn Ngọc L tổ chức đám cưới rồi sống chung với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không quan tâm lẫn nhau, mặc dù sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Nay tôi không còn tình cảm với Nguyễn Ngọc L, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng (ly hôn) với Nguyễn Ngọc L;

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 18/9/1994 và Nguyễn Thế L2, sinh ngày 16/01/1998, hai con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung khi ly hôn: Không yêu cầu giải quyết;

- Về nợ chung khi ly hôn: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn Nguyễn Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyễn Thế L1 có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa Nguyễn Thế L1 với Nguyễn Ngọc L, đây là vụ án “Ly hôn”. Bị đơn cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Ngọc L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai không có lý do. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyễn Thế L1 và Nguyễn Ngọc L chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1993, không có đăng ký kết hôn là vi phạm vào Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Do Nguyễn Thế L1 và Nguyễn Ngọc L không đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận Nguyễn Thế L1 và Nguyễn Ngọc L là vợ chồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 18/9/1994 và Nguyễn Thế L2, sinh ngày 16/01/1998, hai con đã trưởng thành, Nguyễn Thế L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho Nguyễn Ngọc L nhưng Nguyễn Ngọc L không đến Tòa án cũng không có văn bản phản bác gì đối với yêu cầu của nguyên đơn điều đó thể hiện bị đơn tự từ bỏ quyền phản bác của mình. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, nợ khi ly hôn: Nguyễn Thế L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho Nguyễn Ngọc L nhưng Nguyễn Ngọc L không đến Tòa án cũng không có văn bản phản bác gì đối với yêu cầu của nguyên đơn điều đó thể hiện bị đơn tự từ bỏ quyền phản bác của mình. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tiền tạm ứng án phí, án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thế L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 đồng theo quy định

tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận Nguyễn Thế L1 và Nguyễn Ngọc L là vợ chồng.

2. Án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Nguyễn Thế L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân là 300.000 đồng. Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Nguyễn Thế L1 đã nộp theo biên lai số 0010987, ngày 12/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Nguyễn Thế L1 đã nộp xong.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (14/10/2021). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CCTHADS huyện Lai Vung;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Thị Bích Huyền